TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/*2018*/HNGĐ-ST
Ngày: 02-4-2018
V/v tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp con chung "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ-TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thông
2. Ông Trần Tiến Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải là Thư ký Tòa án.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 402/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 và giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn N, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị X trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 21-5-2002 tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không lo làm ăn, ham chơi cờ bạc, chị đã nhiều lần can ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Trần Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Trần Đỗ Bắc N, sinh ngày 14-12-2003 và cháu Trần Đỗ Diệu C, sinh ngày 18-9-2007. Nếu ly hôn chị yêu cầu nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Đỗ Thị X về thời gian kết hôn, địa điểm kết hôn cũng như thừa nhận cuộc hôn nhân trên là hoàn toàn tự nguyện. Nay vợ anh, chị X yêu cầu ly hôn anh không có ý kiến gì và đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Trần Đỗ Bắc N, sinh ngày 14-12-2003 và cháu Trần Đỗ Diệu C, sinh ngày 18-9-2007. Nếu ly hôn anh T đồng ý giao con cho chị X chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T chấp nhận cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị X khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T, theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến anh Trần Văn T, anh T có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử theo luật định.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đỗ Thị X với anh Trần Văn T thấy rằng:

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 21-5-2002, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị X cho rằng anh T cờ bạc, không lo làm ăn nên vợ chồng không hạnh phúc; theo đơn xác nhận ngày 14-3-2018 Hội phụ nữ thôn N, xã T xác nhận vài năm gần đây vợ chồng anh T chị X hay xảy ra mâu thuẫn. Anh T cũng có đơn trình bày đồng ý ly hôn với chị X, hiện tại hai người đã sống ly thân. Nay xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X và ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị X và anh Trần Văn T.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Trần Đỗ Bắc N, sinh ngày 14-12-2003 và cháu Trần Đỗ Diệu C, sinh ngày 18-9-2007. Chị X yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, anh T đồng ý nên Tòa án ghi nhận thỏa thuận trên và tiếp tục giao cháu Trần Đỗ Bắc N và cháu Trần Đỗ Diệu C cho chị X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N và cháu C đủ tuổi trưởng thành. Chị X

không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có

3. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đỗ Thị X phải chịu là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị X với bị đơn anh Trần Văn T về việc ly hôn.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị X và anh Trần Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đỗ Bắc N, sinh ngày 14-12-2003 và cháu Trần Đỗ Diệu C, sinh ngày 18-9-2007 cho chị Đỗ Thị X trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu N, cháu C đủ tuổi trưởng thành. Chi X không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đỗ Thị X phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003070 ngày 26-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Chị Đỗ Thị X có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02-4-2018). Anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thành phố Tam Kỳ;
- Cơ quan THADS TP Tam Kỳ;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TAM KỲ** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi …. giờ …. phút, ngày 02 tháng 4 năm 2018.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông

2. Ông Trần Tiến Cường

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số thụ lý số: 402/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp con chung" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Thùy Trang, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn Ngọc Mỹ, xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn Tuấn, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ 6, thôn Ngọ Mỹ, xã Tam Phú, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam (có đơn xin vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 227, Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, xử:

1/Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị Thùy Trang với bị đơn anh Trần Văn Tuấn về việc ly hôn.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Thùy Trang và anh Trần Văn Tuấn thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

- Về con chung: Giao cháu Trần Đỗ Bắc Nam, sinh ngày 14-12-2003 và cháu Trần Đỗ Diệu Châu, sinh ngày 18-9-2007 cho chị Đỗ Thị Thùy Trang trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nam, cháu Châu đủ tuổi trưởng thành. Chi Trang không yêu cầu anh Tuấn phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người

không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

- Về tài sản chung : Vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

2/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Đỗ Thị Thùy Trang phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003070 ngày 26-12-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3.

- Chị Đỗ Thị Thùy Trang có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (02-4-2018). Anh Trần Văn Tuấn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Hội đồng xét xử thống nhất, biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi …..giờ ….. phút, ngày 02 tháng 4 năm2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**